

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH A  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 12/9/2022  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Đua

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Thanh

2. Ông Võ Văn Thành

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:** Ông Lê Thanh Tường – Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 195/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2022/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2022/QĐST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Tạ Thị M; sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 4B, xã Tân H, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* Đoàn Văn L; sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: ấp 4B, xã Tân H, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Ngân chính sách xã h

Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Văn V – Chức vụ: Giám đốc chi nhánh ngân hàng chính sách xã hội huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. (có mặt)

Địa chỉ: ấp Nhơn Thuận 1B, thị trấn Một N, huyện Châu Thành A, tỉnh

Hậu Giang.

- Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt N

Người đại diện theo ủy quyền: Trần Văn C – Chức vụ: Trưởng phòng kinh doanh - Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt N – Chi nhánh huyện Châu Thành A (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Thi T, thị trấn Một N, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 28/4/2022 và quá trình tố tụng tại tòa án nguyên đơn chị Tạ Thị M trình bày: Chị và anh L kết hôn vào năm 2006, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Nay cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị và anh L có 02 con chung các cháu tên là Đoàn Thị Phương A sinh ngày 12/11/2006 và cháu Đoàn Thị Phương T sinh ngày 12/11/2006. Hiện nay các cháu đang sống chung với chúng tôi. Chị yêu cầu nuôi 02 con chung, chưa yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị và anh L tự thỏa thuận không có yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Nợ ngân hàng chính sách xã h huyện Châu Thành A số tiền là 60.000.000 đồng, nợ ngân hàng nông nghiệp Việt N chi nhánh huyện Châu Thành A số tiền là 200.000.000 đồng. Về khoảng nợ này chị và anh L tự thỏa thuận với ngân hàng nên không có yêu cầu giải quyết. Đối với khoảng nợ cửa hàng vật tư Nông nghiệp Nhân Na số tiền là 4.000.000 đồng và nợ cửa hàng vật tư Nông nghiệp Hai M số tiền là 3.000.000 đồng. Đối với hai khoảng nợ này anh L đã trả xong nên không có yêu cầu giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác. Chị M có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Đoàn Văn L trình bày: Anh thống nhất với phần trình bày của chị M, vợ chồng chung sống bất đồng quan điểm nay anh còn thương vợ con nên không muốn ly hôn.

Về con chung: Anh cũng thống nhất với phần trình bày của chị M. Anh yêu cầu nuôi con chung không yêu cầu chị M cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh và chị M tự thỏa thuận không có yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Nợ ngân hàng chính sách xã h huyện Châu Thành A số tiền là 50.000.000 đồng, nợ ngân hàng nông nghiệp Việt N chi nhánh huyện Châu Thành A số tiền là 200.000.000 đồng. Về khoảng nợ này anh và chị M tự thỏa thuận với ngân hàng nên không có yêu cầu giải quyết. Đối với khoảng nợ cửa hàng vật tư nông nghiệp Nhân N số tiền là 4.000.000 đồng và nợ cửa hàng vật tư nông nghiệp Hai M số tiền là 3.000.000 đồng. Đối với hai khoảng nợ này anh đã trả xong nên không có yêu cầu giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt N có anh Trần Văn C trình bày: Ngày 23/12/2020 ông Đoàn Văn L có vay của ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Châu Thành A số tiền vay là 200.000.000 đồng, mục đích vay là sửa nhà, mua sắm sinh hoạt gia đình, lãi suất trong thời hạn là 9,8%/năm, thời hạn trả đến ngày 22/12/2025. Đối với khoảng vay này chưa đến hạn nên ngân hàng không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ngân hàng chính sách xã h có anh Nguyễn Văn V trình bày: Ngân hàng chính sách xã h có cho ông Đoàn Văn L và bà Tạ Thị M vay 02 khoảng nợ đó là: Vay giải quyết việc làm 40.000.000 đồng, khoảng vay thứ 2 là vay nước sạch vệ sinh môi trường số tiền là 20.000.000 đồng nhưng đã trả 10.000.000 đồng hiện còn nợ khoảng vay này là 10.000.000 đồng. Nay vợ chồng ông L và bà M ly hôn ngân hàng yêu cầu trả 02 khoảng nợ trên với tổng số tiền vốn gốc là 50.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 222.904 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 13/9/2022 theo hợp đồng tín dụng số 406/2021/HĐ-TD ngày 23/12/2021 và sổ vay vốn có mã số KH: 707597293 ngày 23/3/2019 đến khi ông L và bà M trả hết nợ cho ngân hàng. Tại phiên tòa đại diện ngân hàng đồng ý để cho ông Đoàn Văn L trả các khoảng nợ trên cho ngân hàng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ

án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định pháp luật.

Về việc nội dung giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị M được ly hôn với anh L. Về con chung đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu tên là Đoàn Thị Phương A sinh ngày 12/11/2006 và cháu Đoàn Thị Phương T sinh ngày 12/11/2006 được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh L chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung các đương sự tự thỏa thuận không có yêu cầu giải quyết. Về nợ chung đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của anh Đoàn Văn L trả cho ngân hàng chính sách xã hội số tiền gốc cho hai khoảng vay là 50.000.000 đồng, tiền lãi trong thời hạn tạm tính đến ngày 12/9/2022 là 222.904 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 13/9/2022 theo hợp đồng tín dụng số 406/2021/HĐ-TD ngày 23/12/2021 và sổ vay vốn có mã số KH: 707597293 ngày 23/3/2019 đến khi ông L và bà M trả hết nợ cho ngân hàng. Đối với khoảng vay của ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác. Đối với khoảng nợ cửa hàng vật tư nông nghiệp Nhân N số tiền là 4.000.000 đồng và nợ cửa hàng vật tư nông nghiệp Hai M số tiền là 3.000.000 đồng. Đối với hai khoảng nợ này anh L đã trả xong nên không có yêu cầu giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Tạ Thị M và anh Đoàn Văn L do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên chị M yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Đoàn Văn L. Do anh Đoàn Văn L có nơi cư trú tại huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố

tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ cung cấp và giao nộp chứng cứ theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt N có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt chị Màu và địa diện Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt N.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Tạ Thị M và anh Đoàn Văn L là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Điều này chứng minh đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án đã tiến hành thủ tục hòa giải để cho anh chị hàn gắn gia đình nhưng không thành, chị M vẫn giữ quan điểm ly hôn với anh L nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho chị Tạ Thị M được ly hôn với anh Đoàn Văn L. Anh Lờ cho rằng anh còn thương vợ con không muốn ly hôn nhưng không đưa ra chứng cứ chứng minh. Mặt khác, chị M cho rằng không còn tình cảm với anh L nên cuộc hôn nhân nếu kéo dài sẽ không hạnh phúc nên không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của anh L.

[3.2] Về con chung: Chị M và anh L có 02 con chung các cháu tên là Đoàn Thị Phương A sinh ngày 12/11/2006 và cháu Đoàn Thị Phương T sinh ngày 12/11/2006. Xét yêu cầu nuôi con chung của chị màu Hội đồng xét xử nhận thấy cháu Phương A và cháu Phương T có nguyện vọng được sống chung với chị M, phía anh L cũng đồng ý theo nguyện vọng của các cháu nên Hội đồng xét xử giao cháu Phương A và cháu Phương T cho chị M được tiếp tục nuôi dưỡng. Do chị M chưa có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho nên anh L chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do anh L không phải là người trực tiếp nuôi con chung cho nên chị M phải tạo điều kiện thuận lợi để anh L được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

[3.3] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Đối với khoản nợ của ngân hàng chính sách xã h Hội đồng xét xử nhận thấy giữa chị M và anh L có vay của Ngân hàng 02

khoảng vay cụ thể: Vay giải quyết việc làm 40.000.000 đồng, khoảng vay thứ 2 là vay nước sạch vệ sinh môi trường số tiền là 20.000.000 đồng nhưng đã trả 10.000.000 đồng hiện còn nợ khoảng vay này là 50.000.000 đồng. Nay vợ chồng anh L và chị M ly hôn nên phải có nghĩa vụ trả 02 khoảng nợ này. Tại phiên tòa ngân hàng yêu cầu trả tiền gốc cho hai khoảng vay là 50.000.000 đồng, tiền lãi trong thời hạn tạm tính đến ngày 12/9/2022 là 222.904 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 13/9/2022 theo hợp đồng tín dụng số 406/2021/HĐ-TD ngày 23/12/2021 và sổ vay vốn có mã số KH: 707597293 ngày 23/3/2019 đến khi anh L và chị M trả hết nợ cho ngân hàng. Anh L yêu cầu được trả khoản nợ này, phía ngân hàng đồng ý. Đây là ý chí tự nguyện của các đương sự không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận. Đối với khoảng vay của ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt N không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác. Đối với khoảng nợ cửa hàng vật tư nông nghiệp Nhân N số tiền là 4.000.000 đồng và nợ cửa hàng vật tư nông nghiệp Hai M số tiền là 3.000.000 đồng. Đối với hai khoảng nợ này anh L đã trả xong nên không có yêu cầu giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Tạ Thị M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Buộc anh Đoàn Văn L có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm 2.511.145 đồng.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tạ Thị M

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Tạ Thị M được ly hôn với anh Đoàn Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Đoàn Thị Phương A sinh ngày 12/11/2006 và cháu Đoàn Thị Phương T sinh ngày 12/11/2006 cho chị Tạ Thị M được tiếp tục nuôi dưỡng. Do chị M chưa có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho nên anh L chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho anh Đoàn Văn L không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Công nhận sự tự nguyện của anh Đoàn Văn L trả cho Ngân hàng chính sách xã h số tiền vốn là 50.0000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến hết ngày 12/9/2022 là 222.904 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 13/9/2022 theo hợp đồng tín dụng số 406/2021/HĐ-TD ngày 23/12/2021 và sổ vay vốn có mã số KH: 707597293 ngày 23/3/2019 đến khi ông L trả hết nợ cho ngân hàng.

Đối với khoảng vay của ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt N không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác. Đối với khoảng nợ cửa hàng vật tư nông nghiệp Nhân N và nợ cửa hàng vật tư nông nghiệp Hai M. Đối với hai khoảng nợ này anh L đã trả xong nên không có yêu cầu giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

5. Về án phí gia đình sơ thẩm chị Tạ Thị M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị Tạ Thị M đã nộp theo biên lai số 0011879 ngày 28/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (chị M đã nộp xong). Anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.511.145 đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7,

Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND xã Tân H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Nguyễn Văn Đua**